

Số: **590/2025/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 556/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **L T A L**, sinh ngày 30/04/1989; CCCD số: 038189025822 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/7/2021. Địa chỉ: Căn hộ 1610 E, phường P, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh **Đ V T**, sinh ngày 09/08/1987; CC số: 038087014647 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày cấp ngày 07/06/2023. Địa chỉ: Căn hộ 1610 E, phường P, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **L T A L**, sinh năm 1989 và

anh Đ V T, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị L T A L và anh Đ V T, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị L và anh T cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu Đ U V, sinh ngày 25/9/2013 và cháu Đ Đ K, sinh ngày 03/12/2020. Khi ly hôn, chị L và anh T thống nhất thỏa thuận giao cả hai con cho chị L là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh T cho đến khi cháu V, cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung: Chị L và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị L và anh T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L T A L chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số 0019019 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả chị L số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- Phòng thi hành án KV5;
- UBND xã L, H, Thanh Hóa (nay là xã H, Thanh Hóa
- GCNKH số 08/ quyền số 01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc